TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - B C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 40/2025/DS-ST
Ngày 28/8/2025
Về việc: *"Tranh chấp hợp C vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – B C

Với thành phần Hội C xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Trần Thị Quế.**

2. Bà: **Nguyễn Thị Tài.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Lương** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh B C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh B C tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo B cũ; địa chỉ: Số 8 Nguyễn Tất Thành, Thôn 8 Lộc Thắng, xã Bảo B 1, tỉnh B C xét xử sơ thẩm công khai, lưu động theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLST- DS ngày 12/6/2025 về việc "*Tranh chấp hợp C vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 30/7/2015, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST -DS ngày 12/8/2015 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Công A, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Nam, huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Thôn 8 Lộc Nam, xã Bảo B 3, tỉnh B C.

- Bị đơn: Bà Ka D, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 16, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Thôn 16 Lộc Thắng, xã Bảo B 1, tỉnh B C.

(Ông A có đơn vắng mặt, bà Ka D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/4/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 15/4/2024, ông A có cho bà Ka D vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 15/4/2024, hợp C vay đề "*Hợp C vay tiền*". Đến hạn thanh toán lãi suất tôi đã yêu cầu bà D trả tiền lãi nhưng bà D không thực hiện. Do vậy, tôi yêu cầu bà D phải trả cả nợ gốc và lãi cho tôi nhưng bà D vẫn không thực hiện. Mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà Ka D vẫn không trả nợ cho tôi. Do đó tôi yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc bà Ka D phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 200.000.000đ.

- Buộc bà Ka D phải trả lãi suất cho số tiền nói trên như sau:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn: Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 15/10/2024 là 06 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x 1,66% x 06 tháng = 19.920.000đ.

+ Lãi chậm trả: Từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 9,5 tháng, lãi suất 0,83%/01 tháng là: 19.920.000đ x 0.83% x 9,5 tháng = 1.570.000đ.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn: Từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 9,5 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x (150% x 1,66%) x 9,5 tháng = 47.310.000đ.

Tổng số tiền cả gốc và lãi yêu cầu Toà án buộc bà Ka D phải trả cho ông A là: 268.800.000đ (Hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm ngàn C) và tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp nguyên đơn cung cấp: Bản gốc hợp C vay tiền ngày 15/4/2024 giữa ông A và bà Ka D.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ka D không đến Tòa án làm việc và không có trình bày nào.

Ngày 27/8/2025, ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu nội dung như sau:

- Yêu cầu bà Ka D phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000đ.

- Yêu cầu bà Ka D phải trả lãi suất cho số tiền nói trên như sau:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn: từ ngày 15/4/2024 đến ngày 15/10/2024 là 06 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x 1,66% x 06 tháng = 19.920.000đ.

+ Lãi chậm trả: từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 10,5 tháng, lãi suất 0,83%/01 tháng là: 19.920.000đ x 0.83% x 10,5 tháng = 1.736.000đ.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn: từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 10,5 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x (150% x 1,66%) x 10,5 tháng = 52.290.000đ.

Tổng số tiền cả gốc và lãi yêu cầu Toà án buộc bà Ka D phải trả cho ông A là 273.946.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự C thời đề nghị Hội C xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội C xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Ka D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng; ông A có đơn xét xử vắng mặt không nên căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung vụ án:

[1] **Về nợ gốc**: Căn cứ nội dung Hợp C vay tiền ngày 15/4/2024 thể hiện ngày 15/4/2024, bà Ka D có vay của ông A 200.000.000đ, lãi suất vay là 1.67%, thời hạn vay là 6 tháng. Theo ông A trình bày, sau khi vay bà Ka D không trả tiền lãi như thỏa thuận, đến hạn trả tiền gốc bà Ka D cũng không trả nợ gốc. Do bà Ka D không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ lời trình bày nào xác định có hay không nội

dung vay tiền và trả lãi suất. Hội C xét xử căn cứ vào trình bày của ông A và Hợp C vay tiền ngày 15/4/2024 để xem xét yêu cầu khởi kiện của ông A. Tính từ ngày vay tiền 15/4/2024 cho đến ngày ông A khởi kiện 024/4/20225 đã quá thời hạn vay; bà Ka D đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc. Do đó, cần buộc bà Ka D phải trả cho ông A 200.000.000đ nợ gốc đã vay phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2] **Về lãi suất**: Ông A yêu cầu bà bà Ka D trả lãi suất trên số tiền nợ gốc 200.000.000đ cụ thể như sau:

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn: từ ngày 15/4/2024 đến ngày 15/10/2024 là 06 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x 1,66% x 06 tháng = 19.920.000đ.

+ Lãi chậm trả: từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 10,5 tháng, lãi suất 0,83%/01 tháng là: 19.920.000đ x 0.83% x 10,5 tháng = 1.736.000đ.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn: từ ngày 16/10/2024 đến nay tạm tính là 10,5 tháng, lãi suất 1,66%/01 tháng là: 200.000.000đ x (150% x 1,66%) x 10,5 tháng = 52.290.000đ.

Xét thấy, Hợp C vay tiền ngày 15/4/2024 là hợp C vay có thời hạn và có thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 5 Điều 446, 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm buộc bà Ka D trả cho ông A các khoản lãi gồm lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi chậm trả trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả.

Toàn bộ yêu cầu về lãi suất của ông A là phù hợp với các quy định nêu trên nên Hội C xét xử chấp nhận buộc bà Ka D trả cho ông A 73.946.000đ tiền lãi bao gồm lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả 19.920.000đ, lãi chậm trả trên nợ gốc trong hạn chưa trả 1.736.000đ và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 52.290.000đ.

[3] **Về án phí**: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án buộc bà Ka D phải chịu án phí trên số tiền gốc và lãi có nghĩa vụ trả cho ông A là 13.679.000đ (273.946.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công A về việc "*Tranh chấp hợp C vay tài sản*" với bị đơn bà Ka D.

Buộc bà Ka D có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Công A số tiền 273.946.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn C).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.67%/tháng (mức lãi suất thỏa thuận trong hợp C vay)".

2. Về án phí:

- Buộc bà Ka D phải nộp 13.697.000đ (Mười ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn C) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Bùi Công A 6.245.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn C) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 4863 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh B C.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, bà Ka D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh B C xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI C XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Linh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B C;
- VKSND tỉnh B C;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - B C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 28/8/2025.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh B C.

Với Hội C xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Trần Thị Quế**.

2. Bà: **Nguyễn Thị Tài**.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLST- DS ngày 12/6/2025 về việc "*Tranh chấp hợp C vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Công A, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc Nam, huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Thôn 8 Lộc Nam, xã Bảo B 3, tỉnh B C.

- Bị đơn: Bà Ka D, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 16, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Thôn 16 Lộc Thắng, xã Bảo B 1, tỉnh B C.

Hội C xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Công A về việc "*Tranh chấp hợp C vay tài sản*" với bị đơn bà Ka D.

Buộc bà Ka D có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Công A số tiền 273.946.000đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn C).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.67%/tháng (mức lãi suất thỏa thuận trong hợp C vay)".

2. **Về án phí:**

- Buộc bà Ka D phải nộp 13.697.000đ (Mười ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn C) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Bùi Công A 6.245.000đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn C) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 4863 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo B, tỉnh B C. Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh B C.

3. Về quyền kháng cáo: Ông A, bà Ka D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh B C xét xử phúc thẩm.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Tài: Thống nhất toàn bộ nội dung như trên.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Quế: Thống nhất toàn bộ nội dung như trên.

+ Ý kiến của chủ toạ: Thống nhất toàn bộ nội dung như trên.

Hội C xét xử biểu quyết: 3/3, đạt tỷ lệ 100%.

Buổi hội ý kết thúc vào lúc 14 giờ 30 phút, cùng ngày các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Trần Thị Quế** **Nguyễn Văn Linh**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-B C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

BIÊN BẢN HỘI Ý

Vào hồi 08 giờ 45 phút ngày 12/8/2025.
Tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh B C.

Với Hội C xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Văn Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà: **Nguyễn Thị Tài**

+ Bà: **Trần Thị Quế.**

Tiến hành hội ý đối với vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLST-DS ngày 12/6/2025 về việc "*Tranh chấp hợp C vay tài sản*" giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Công A, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn 8 xã Lộc Nam, Bảo B 3, tỉnh B C.

- Bị đơn: Bà Ka D, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn 16 Lộc Thắng, Bảo B 1, tỉnh B C.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐDS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bảo B, tỉnh B C.

Hội C xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau: Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Quế: Thống nhất hoãn phiên tòa.

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Tài: Thống nhất hoãn phiên tòa.

+ Ý kiến của chủ toạ: Thống nhất hoãn phiên tòa.

Hội C xét xử biểu quyết: 3/3, đạt tỷ lệ 100%.

Buổi hội ý kết thúc vào lúc 08 giờ 55 phút, cùng ngày các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Trần Thị Quế** **Nguyễn Văn Linh**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**